

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa P toà: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Trị.
2. Ông Nguyễn Hữu Sang.

- Thư ký P toà: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia P toà: bà Bùi Kim Châu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thanh T, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm X, thôn P1, xã TP, huyện T1, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh P, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ M, Khối A, thị trấn P2, huyện T1, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần N, bà Ngô Thị S (vắng mặt); Địa chỉ Tổ M, Khối A, thị trấn P2, huyện T1, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Cao Thanh T trình bày: Chị với anh Trần Thanh P kết hôn tự nguyện vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P2 vào ngày 22/8/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh P còn sa đà rượu chè về gây sự, chửi mắng xúc phạm chị. Chị đã cố gắng giải quyết nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cắt đứt quan hệ với nhau từ tháng 01/2023.

Nay xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chưa có, không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 70m² xây trên thửa đất số 53, tờ bản đồ số 19, diện tích 144m² của cha mẹ chồng tên Trần N - Ngô Thị S (ở Khối A, thị trấn P2, T1). Chi phí xây dựng ban đầu khoảng 250.000.000đ, hiện anh P đang quản lý. Tại phiên Tòa, chị rút yêu cầu, không yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung nữa, khi nào cần chị sẽ khởi kiện sau.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Thanh P trình bày: Anh thống nhất với chị Cao Thanh T trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống với nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng trong sinh hoạt, tháng 01/2023 chị T đã bỏ về nhà cha mẹ chị sống. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Chưa có, không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Thống nhất vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 70m² xây trên đất 100m² của cha mẹ anh (ở Khối A, thị trấn P2, T1). Chi phí xây dựng ban đầu khoảng 250.000.000đ, hiện anh đang quản lý. Khi ly hôn thì anh không có tiền thối lại ½ giá trị xây dựng nhà theo yêu cầu của chị T vì anh không có tiền; trong nhà có tài sản gì thì anh chấp nhận để chị T mang đi; nhà thì anh cũng giao lại cho cha mẹ anh (vì xây trên đất cha mẹ). Vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần N, bà Ngô Thị S - vắng mặt không có lý do: Ông Trần N, bà Ngô Thị S đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Biên bản định giá ngày 03/12/2023 xác định:

- Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 19, diện tích 144m² tọa lạc tại Khối A, thị trấn P2, huyện T1, tỉnh Bình Định là đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông bà Trần N, Ngô Thị S, các bên xác định không phải là tài sản chung, không yêu cầu phân chia nên không định giá.

- Tài sản trên đất gồm:

+ 01 ngôi nhà mã hiệu N5, trần thạch cao, nền lát gạch Ceramic, tường sơn nước, có khu vệ sinh trong nhà, chiều cao trung bình trên 4m (K=1,1), xây dựng năm 2019, diện tích 63,815m². Giá trị còn lại: 190.767.749đ;

+ 01 nhà để xe mái tôn có vật liệu bao che, nền xi măng, xây dựng năm 2019, diện tích 16,8m². Giá trị còn lại: 7.862.400đ;

+ 01 sân trước và sân sau mã hiệu S4, tổng diện tích: (4,35 x 8) + (3,85 x 2,3) = 43,8m², xây dựng năm 2019. Giá trị còn lại: 4.625.280đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm, tuy nhiên còn một vài vi phạm. Tại P tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 8, 9, 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T với anh P. Về con chung: miễn xét. Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị T rút yêu cầu, đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với phần tài sản chung. Án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại P tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại P tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia P tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Thanh P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần N, bà Ngô Thị S - đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thanh T với anh Trần Thanh P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P2 vào ngày 22/8/2019 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên thường xảy ra cãi vã, chửi mắng. Chị T đã cố gắng giải quyết nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cắt đứt quan hệ với nhau từ tháng 01/2023. Cả chị T và anh P phần ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau một thời gian dài. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu ly hôn với anh P và anh P cũng đồng ý là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về con chung: Chưa có nên HĐXX không xem xét

[4] Về tài sản chung:

4.1. Chị T và anh P đều thống nhất vợ chồng có tài sản chung là: 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 70m² xây trên thửa đất số 53, tờ bản đồ số 19, diện tích 144m² của ông Trần N, bà Ngô Thị S - cha mẹ anh P (ở Khối A, thị trấn P2, huyện T1). Chi phí xây dựng ban đầu khoảng 250.000.000đ, hiện anh P đang quản lý.

4.2. Kết quả định giá ngày 03/12/2023 đã xác định:

- Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 19, diện tích 144m² tọa lạc tại Khối A, thị trấn P2, huyện T1, tỉnh Bình Định là đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông bà Trần N, Ngô Thị S, không định giá.

- Tài sản trên đất gồm:

+ 01 ngôi nhà mã hiệu N5, xây dựng năm 2019, diện tích 63,815m². Giá trị còn lại: 190.767.749đ;

+ 01 nhà để xe mái tôn, xây dựng năm 2019, diện tích 16,8m². Giá trị còn lại: 7.862.400đ;

+ 01 sân trước và sân sau, tổng diện tích: (4,35 x 8) + (3,85 x 2,3) = 43,8m², xây dựng năm 2019. Giá trị còn lại: 4.625.280đ.

Tổng giá trị tài sản chung là: 203.255.429đ.

4.3. Tại phiên tòa, chị Cao Thanh T rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung nữa. Căn cứ Điều 217 BLTTDS, nghị nên đình chỉ xét xử đối với việc phân chia tài sản chung giữa chị Cao Thanh T và anh Trần Thanh P. Các đương sự đều có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại việc phân chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm, chi phí định giá:

5.1. Án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: công nhận sự tự nguyện của chị Cao Thanh T về việc chịu án phí ly hôn với số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ.

5.2. Án phí chia tài sản chung: Chị T rút yêu cầu nên được hoàn trả khoản tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp trước là 2.000.000đ.

5.3. Chi phí định giá: Chị Cao Thanh T tự nguyện chịu 3.000.000đ - đã nộp xong.

[6] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại P tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 217; Điều 218; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thanh T:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thanh T với anh Trần Thanh P.

- Về con chung: miễn xét.

- Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu phân chia tài sản chung giữa chị Cao Thanh T và anh Trần Thanh P (do chị T rút yêu cầu tại P tòa).

Các đương sự đều có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại việc phân chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

2/ Về án phí sơ thẩm, chi phí định giá:

2.1. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Cao Thanh T tự nguyện chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007984 ngày 13/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn. Chị T đã nộp đủ án phí.

2.2. Án phí chia tài sản chung: Hoàn trả lại cho chị Cao Thanh T khoản tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp trước là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai số 0003546 ngày 15/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn;

2.3. Chi phí định giá: Chị Cao Thanh T tự nguyện chịu 3.000.000đ - đã nộp xong.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại P tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại P tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

4/ Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND thị trấn P2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA P TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam